**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**

Khoa/Viện: Công nghệ Thực phẩm.

Bộ môn: Hóa.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Thông tin về học phần:**

Tên học phần: **HƯƠNG LIỆU MỸ PHẨM.**

* Tiếng Việt:Hương liệu mỹ phẩm.
* Tiếng Anh: Fragrances and cosmetics.

Mã học phần: Số tín chỉ: 3

Đào tạo trình độ: Đại Học.

Học phần tiên quyết: Hóa hữu cơ, hóa lý.

**2. Thông tin về giảng viên:**

Họ và tên: Trần Thị Thảo Vy Chức danh, học hàm, học vị: Thạc Sỹ.

Điện thoại: 0909973545 Email:vyttt@ntu.edu.vn.

Địa chỉ trang web/nguồn dữ liệu internet của giảng viên:

Địa điểm, lịch tiếp SV: Văn phòng Bộ môn Hóa.

**3. Mô tả tóm tắt học phần:**

Học phần gồm hai nội dung chính phần đầu là hương liệu cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất của các nguồn hương liệu. Kỹ thuật pha chế và xây dựng các tổ hợp hương phù hợp với nhu cầu của sản phẩm. Phần hai là phần mỹ phẩm sẽ cung cấp các kiến thức về sinh lý các đối tượng của mỹ phẩm. Các nguyên liệu chủ lực dùng trong mỹ phẩm và một số dạng sản phẩm đặc trưng.

**4. Mục tiêu:**

Môn học nhằm cung cấp một số kiến thức cơ bản về hoá học chất thơm và ứng dụng. Có cơ sở lý thuyết và thực nghiệm của các quá trình tổ hợp hương, qui trình tạo các sản phẩm mỹ phẩm phổ biến, khảo sát sự ảnh hưởng của các thông số vật lý, hóa học của nguyên liệu cũng như quá trình gia công tạo sản phẩm, có khả năng tạo một đơn công nghệ sản xuất mỹ phẩm.

Là nền để sinh viên có thể thực hiện đồ án tốt nghiệp và ứng dụng trong thực tiễn nghề nghiệp sau này.

**5. Kết quả học tập mong đợi (KQHT):**

Sau khi học xong học phần, sinh viên có thể:

a) Nắm được tầm quan trọng và chỗ đứng của hương liệu trong đời sống hiện nay.

b) Hiểu rõ bản chất của chất mùi dựa trên nguồn gốc, bản chất hóa học và khả năng ứng dụng.

c) Sử dụng kiến thức đã học có thể tách chiết được một số tinh dầu và tổng hợp được một số chất thơm tại phòng thí nghiệm.

d) Biết được các thành phần chính trong mỹ phẩm, có thể phân tích so sánh và cân nhắc trong việc đưa ra được phương án lựa chọn từng loại nguyên liệu thích hợp nhất cho từng loại sản phẩm đặc trưng.

e) Nắm đặc các đặc tính sinh lý của da, tóc, răng miệng

f) Thiết kế và tạo ra được một sản phẩm mỹ phẩm.

g) Biết vận dụng kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong thực tiễn đời sống.

h) Rèn luyện cho sinh viên về khả năng làm việc nhóm, tư duy nghiên cứu khoa học.

**6. Kế hoạch dạy học:**

**6.1 Lý thuyết**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Chương/Chủ đề | Nhằm đạt KQHT | Số tiết | Phương pháp  dạy - học | Chuẩn bị  của người học |
| 1 | Tổng quan về mùi |  | 4 | Thuyết  giảng  -Thảo luận  -Tiểu luận | Đọc trước tài liệu 2 |
| 1.1 | Khái niệm về mùi | a |
| 1.2 | Cơ chế cảm nhận mùi | a |
| 1.3 | Đánh giá mùi | b |
| 2 | Phân loại chất thơm |  | 4 | - nt- | Đọc trước tài liệu 2 |
| 2.1 | Phân loại chất thơm theo nguồn gốc | b, g |
| 2.2 | Phân loại chất thơm theo hóa học | b, g |
| 3 | Tổng hợp và bán tổng hợp một số chất có hương tính |  | 6 | - nt- | Đọc trước tài liệu 3, 4 |
| 3.1 | Các phản ứng thường gặp tổng hợp chất thơm | b, c, d |
| 3.2 | Tổng hợp Các hợp chất họ alcol | b, c, d |
| 3.3 | Các hợp chất họ aldehid và ceton | b, c, d |
| 3.4 | Các hợp chất họ acid và ester | b, c, d |
| 3.5 | Công nghệ sinh học tổng hợp chất thơm | c, g |
| 3.6 | Giới thiệu một số phương pháp tách chiết tinh dầu. | c, h |
| 4 | Chương 4 Pha chế chất thơm |  | 6 | - nt- | Đọc trước tài liệu 2, 3 |
| 4.1 | Đơn hương | f |
| 4.2 | Chất điều hương | f |
| 4.3 | Chất định hương | f |
| 4.4 | Dung môi | f |
| 4.5 | Kỹ thuật pha chế hương liệu | f, g, h |
| 4.6 | Pha chế một số hương bắt chước | f, h |
| 4.7 | Xây dựng tổ hợp hương | f, h |
| 5 | Các nguyên liệu cơ bản để sản xuất mỹ phẩm | d | 6 | - nt- | Đọc trước tài liệu 3, 5 |
| 5.1 | Dầu | d |
| 5.2 | Chất hoạt động bề mặt | d |
| 5.3 | Polymers | d |
| 5.4 | Glycol | d |
| 5.5 | Nước sử dụng trong mỹ phẩm | d, g |
| 5.6 | Một số thành phần khác | D |
| 6 | Nhũ mỹ phẩm | d, f, g | 4 | - nt- | Đọc trước tài liệu 3, 5 |
| 6.1 | Lý thuyết nhũ | d, f |
| 6.2 | Thiết kế công thức nhũ cho mỹ phẩm | d, f, g, h |
| 6.3 | Các yếu tố ảnh hưởng tới độ nhớt và ổn định nhũ | d, f, h |
| 6.4 | Phương pháp sản xuất nhũ | f |
| 7 | Các sản phẩm đặc trưng |  | 15 | - nt- | Đọc trước tài liệu 1, 3 |
| 7.1 | Sản phẩm mỹ phẩm cho da | e, f, g, h |
| 7.2 | Sản phẩm mỹ phẩm cho môi | e, f, g, h |
| 7.3 | Sản phẩm mỹ phẩm cho tóc | e, f, g, h |
| 7.4 | Sản phẩm mỹ phẩm cho răng miệng | e, f, g, h |

**7. Tài liệu dạy và học:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *STT* | *Tên tác giả* | *Tên tài liệu* | *Năm xuất bản* | *Nhà xuất bản* | *Địa chỉ khai thác tài liệu* | *Mục đích*  *sử dụng* | |
| *Tài liệu chính* | *Tham khảo* |
| 1 | Louis Hồ Tấn Tài | Các sản phẩm tẩy rửa và chăm sóc cá nhân | 1999 | Công ty Liksin Tp.HCM | Internet |  | 🗙 |
| 2 | Văn Ngọc Hướng | Hương liệu và ứng dụng | 2003 | Khoa học kỹ thuật. | Thư viện số ĐHNT | 🗙 |  |
| 3 | Vương Ngọc Chính | Hương liệu mỹ phẩm | 2012 | Đại học. Bách Khoa Hồ Chí Minh | Thư viện số ĐHNT | 🗙 |  |
| 4 | Phan Trọng Đức, Lê Tuấn Anh | Cơ sở hóa học hữu cơ của hương liệu | 2006 | Tủ sách Viện Hàn lâm | Thư viện số ĐHNT |  | 🗙 |
| 5 | Hiroshi Iwata-Kunio Shimada | Formulas, Ingredients and Production of cosmetics | 2013 | Springer in Japan | Giảng viên cung cấp |  | 🗙 |

**8. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:**

**-** Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp.

- Tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% số tiết.

- Làm và nộp tiểu luận đúng theo thời hạn yêu cầu của giảng viên.

- Có thái độ học tập nghiêm túc và tham gia các kỳ thi đầy đủ.

**9. Đánh giá kết quả học tập:**

**9.1 Lịch kiểm tra giữa kỳ (dự kiến):**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *Lần kiểm tra* | *Tiết thứ* | *Hình thức kiểm tra* | *Chủ đề/Nội dung được kiểm tra* | *Nhằm đạt KQHT* |
| 1 | 30 | Tự luận | Chương 1, 2, 3,4,5,6 | a, b, d. |

**9.2 Thang điểm học phần:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *STT* | *Hình thức đánh giá* | *Nhằm đạt KQHT* | *Trọng số (%)* |
| 1 | Thi giữa kỳ. | a, b, c,d , g, h | 20 |
| 2 | Seminar. | a, d, f, g, h. | 20 |
| 3 | Chuyên cần/thái độ | Đánh giá thái độ của sinh viên đối với môn học. | 10 |
| 4 | Thi kết thúc học phần  - Hình thức thi: Tự luận.  - Đề mở: 🞎 Đề đóng: 🗷 | a, b, c, d, e, f, g. | 50 |

**TRƯỞNG BỘ MÔN GIẢNG VIÊN**